

Số: 35 /2026/TT-BYT

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2026

THÔNG TƯ

**Quy định việc phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ
trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm số 10/2003/PL-UBTVQH11;

Căn cứ Nghị định số 178/2004/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm;

Căn cứ Nghị định số 103/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội;

Căn cứ Nghị định số 110/2024/NĐ-CP của Chính phủ về công tác xã hội;

Căn cứ Nghị định số 162/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống mua bán người;

Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 313/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 335/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo trợ xã hội;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định việc phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế.

Điều 2. Phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế cho Cục Bảo trợ xã hội

1. Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống mại dâm thuộc ngành quản lý theo quy định

tại khoản 5 Điều 25 Nghị định số 178/2004/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm.

2. Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho viên chức và cộng tác viên của cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 49 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.

3. Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch huấn luyện nghiệp vụ công tác xã hội và bồi dưỡng, nâng cao năng lực người làm công tác xã hội, người hành nghề công tác xã hội; truyền thông nâng cao nhận thức về công tác xã hội theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 45 Nghị định số 110/2024/NĐ-CP của Chính phủ về công tác xã hội.

4. Ban hành văn bản, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác hỗ trợ nạn nhân bị mua bán theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 162/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống mua bán người.

5. Xây dựng, ban hành bộ công cụ sàng lọc và văn bản hướng dẫn thực hiện sàng lọc, can thiệp sớm đối với nhóm có dấu hiệu bị mua bán quy định tại điểm c khoản 1 Điều 45 Nghị định số 162/2025/NĐ-CP.

6. Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cán bộ thực hiện chính sách trợ giúp xã hội theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 29 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội.

7. Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch thăm hỏi, tặng quà cho đối tượng trợ giúp khẩn cấp hoặc nhân dịp Tết Nguyên đán, giáp hạt quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP.

8. Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành thuộc lĩnh vực bảo trợ xã hội được quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành.

9. Ban hành văn bản trả lời kiến nghị, khó khăn, vướng mắc của người dân, doanh nghiệp và các địa phương trong phạm vi chuyên môn thuộc lĩnh vực bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 02 tháng 11 năm 2026.

Điều 4. Điều khoản tham chiếu

Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó, nếu chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và nội dung quản lý nhà nước có liên quan vẫn được duy trì.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

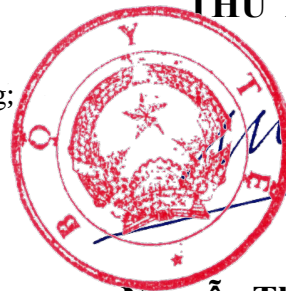
Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Bảo trợ xã hội, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Y tế (qua Cục Bảo trợ xã hội) để được hướng dẫn hoặc xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đ/c Thứ trưởng Bộ Y tế (để phối hợp chỉ đạo);
- Các Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Các Vụ, Cục, Văn phòng Bộ - Bộ Y tế;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, BTXH, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Liên Hương